

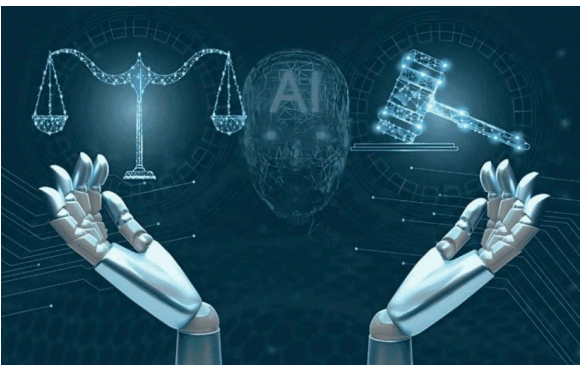
NGUYÊN TẮC CƠ BẢN TRONG HOẠT ĐỘNG TRÍ TUỆ NHÂN TẠO VÀ CHÍNH SÁCH CỦA NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG TRÍ TUỆ NHÂN TẠO

(Điều 4, Điều 5 Luật Trí tuệ nhân tạo)

Trí tuệ nhân tạo (AI) đang ngày càng được ứng dụng rộng rãi trong đời sống xã hội, từ quản lý Nhà nước, sản xuất - kinh doanh đến cung cấp dịch vụ cho người dân. Để đảm bảo việc phát triển và sử dụng trí tuệ nhân tạo an toàn, có trách nhiệm, vì lợi ích chung, Luật Trí tuệ nhân tạo quy định những nguyên tắc cơ bản và chính sách của Nhà nước đối với hoạt động trí tuệ nhân tạo, cụ thể như sau:

NGUYÊN TẮC CƠ BẢN TRONG HOẠT ĐỘNG TRÍ TUỆ NHÂN TẠO

1. Lấy con người làm trung tâm; bảo đảm quyền con người, quyền riêng tư, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng và an ninh quốc gia; tuân thủ Hiến pháp và pháp luật.

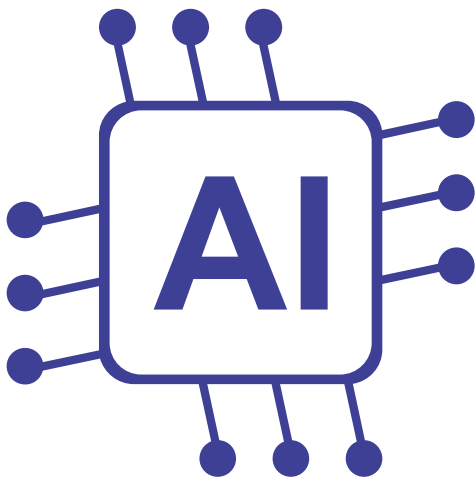


2. Trí tuệ nhân tạo phục vụ con người, không thay thế thẩm quyền và trách nhiệm của con người. Bảo đảm duy trì sự kiểm soát và khả năng can thiệp của con người đối với mọi quyết định và hành vi của hệ thống trí tuệ nhân tạo; an toàn hệ thống, an ninh dữ liệu và bảo mật thông tin; khả năng kiểm tra và giám sát quá trình phát triển và vận hành hệ thống trí tuệ nhân tạo.

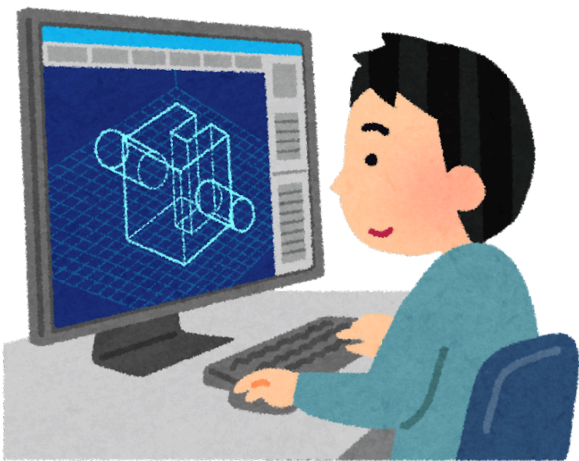
3. Bảo đảm công bằng, minh bạch, không thiên lệch, không phân biệt đối xử và không gây hại cho con người hoặc xã hội; tuân thủ chuẩn mực đạo đức và giá trị văn hóa Việt Nam; thực hiện trách nhiệm giải trình về các quyết định và hệ quả của hệ thống trí tuệ nhân tạo.



4. Thúc đẩy phát triển trí tuệ nhân tạo xanh, bao trùm và bền vững; khuyến khích phát triển và ứng dụng các công nghệ trí tuệ nhân tạo theo hướng sử dụng hiệu quả năng lượng, tiết kiệm tài nguyên và giảm tác động tiêu cực đến môi trường.

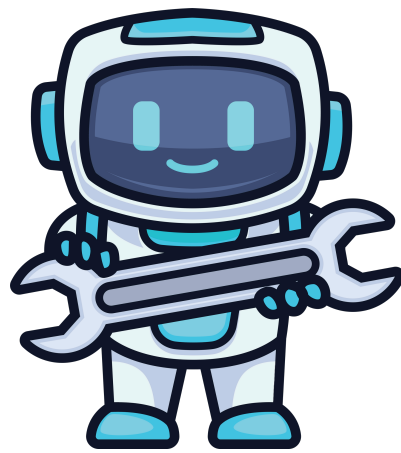


CHÍNH SÁCH CỦA NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG TRÍ TUỆ NHÂN TẠO



1. Có chính sách phát triển trí tuệ nhân tạo để trở thành động lực quan trọng cho tăng trưởng, đổi mới sáng tạo và phát triển bền vững đất nước.

2. Khuyến khích thử nghiệm công nghệ có kiểm soát; áp dụng biện pháp quản lý tương xứng với mức độ rủi ro và khuyến khích cơ chế tự nguyện tuân thủ.



3. Có chính sách bảo đảm quyền và tạo điều kiện tiếp cận, học tập và thụ hưởng lợi ích từ trí tuệ nhân tạo của tổ chức, cá nhân; khuyến khích phát triển và ứng dụng trí tuệ nhân tạo phục vụ an sinh xã hội, hỗ trợ người khuyết tật, người nghèo, người dân tộc thiểu số để thu hẹp khoảng cách số; bảo tồn, phát huy và giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc.



4. Ưu tiên đầu tư và huy động nguồn lực xã hội để phát triển hạ tầng dữ liệu, hạ tầng tính toán, trí tuệ nhân tạo an toàn, nguồn nhân lực chất lượng cao và các nền tảng trí tuệ nhân tạo dùng chung mang tính chiến lược quốc gia.

5. Ưu tiên ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong hoạt động quản lý, điều hành, cung cấp dịch vụ công, hỗ trợ ra quyết định của cơ quan nhà nước nhằm nâng cao hiệu quả, tính minh bạch, chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp; khuyến khích ứng dụng rộng rãi trong các ngành, lĩnh vực kinh tế - xã hội nhằm nâng cao năng suất, chất lượng dịch vụ và hiệu quả quản lý.

6. Khuyến khích các tổ chức, mạng lưới và sáng kiến xã hội thúc đẩy an toàn, đạo đức, tin cậy và xây dựng niềm tin xã hội trong phát triển trí tuệ nhân tạo.



7. Thúc đẩy ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong hoạt động của doanh nghiệp và các lĩnh vực kinh tế - xã hội trọng điểm; phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo; khuyến khích hợp tác công tư.



8. Chủ động hội nhập, hợp tác quốc tế; tham gia xây dựng và định hình chuẩn mực, khung quản trị toàn cầu; bảo đảm lợi ích và chủ quyền quốc gia trong lĩnh vực trí tuệ nhân tạo.

Luật Trí tuệ nhân tạo có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 3 năm 2026

